BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
Số: 38 /BC-YHDP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 17 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NĂM: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung:

a. Tên trường (bao gồm cả tiếng nước ngoài):

Tên tiếng Việt: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Tên tiếng Anh: Hai Phong University of Medicine and Pharmacy

b. Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng

c. Loại hình và cơ quan quản lý trực tiếp: Đại học công lập trực thuộc Bộ Y tế

d. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

*** Sứ mạng:**

"Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và phát triển y dược biển đảo".

*** Tầm nhìn:**

"Phát triển thành đại học tự chủ khối ngành sức khỏe có chất lượng, uy tín, định hướng ứng dụng (tới năm 2025); đạt chuẩn khu vực (tới năm 2030) và hội nhập quốc tế".

*** Giá trị cốt lõi**: "*Chuyên nghiệp - Hội nhập - Hiệu quả*"

*** Triết lý giáo dục**: "*Lấy người học làm trung tâm - Lấy người bệnh làm trung tâm - Vì sức khỏe cộng đồng*"

e. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1979, Trường được thành lập ban đầu từ cơ sở 2 của Trường Đại học Y Hà Nội tại Hải Phòng.

Năm 1985, Cơ sở 2 của Trường Đại học Y Hà Nội được phát triển thành Phân hiệu Đại học Y Hải Phòng trực thuộc Trường Đại học Y Hà Nội.

Năm 1999, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 06/1999/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng trên cơ sở Phân hiệu Đại học Y Hải Phòng.

Ngày 11 tháng 11 năm 2013, Trường Đại học Y Hải Phòng được đổi tên thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng theo quyết định số 2153/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

f. Người đại diện phát luật/người phát ngôn: PGS.TS. Nguyễn Văn Khải - Hiệu trưởng

2. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập/chia tách/sáp nhập: NQ số 158/NQ-HĐT-YDHP ngày 21/01/2025 về việc Ban hành Quy định về thành lập, tổ chức lại, sáp nhập, giải thể đơn vị Trường Đại học Hải Phòng

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường: Số 3944/QĐ-BYT ngày 15/09/2020 của Bộ y tế về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020-2025

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

TT	HỌ TÊN	CHỨC DANH	CHỨC VỤ
1	PGS. TS. Phạm Văn Linh	Chủ tịch	Bí thư ĐU
2	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Thư ký	Trưởng khoa YHCT
3	PGS.TS. Nguyễn Văn Khải	Thành viên	Hiệu trưởng
4	PGS.TS. Nguyễn Thị Thắm	Thành viên	Chủ tịch công đoàn trường
5	PGS.TS. Phạm Văn Mạnh	Thành viên	Phó hiệu trưởng
6	PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai	Thành viên	Phó hiệu trưởng
7	TS. Nguyễn Hải Ninh	Thành viên	Trưởng phòng TCCB
8	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương	Thành viên	Trưởng khoa Dược học
9	TS. Vũ Mạnh Tân	Thành viên	Phó trưởng Khoa Y
10	PGS.TS. Phan Lê Thu Hằng	Thành viên	Phó VT vụ kế hoạch tài chính
11	TS. Nguyễn Trọng Diện	Thành viên	Giám đốc
12	TS. Trần Anh Cường	Thành viên	Giám đốc
13	TS. BSCKII. Nguyễn Quang Tập	Thành viên	CT HĐ quản lý bệnh viện VT
14	TS. Nguyễn Bá Phước	Thành viên	GĐ Bệnh viện Kiến An
15	ThS. Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	TGĐ Công ty Dược phẩm CPC1
16	SV. Nguyễn Thị Thuỳ Trang	Thành viên	UV BCH ĐTNCS HCM

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, phân công Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng.

Nghị quyết Số 18/NQ-HĐT-YDHP ngày 04/05/2021 về việc bổ nhiệm Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng

Nghị quyết số 08/NQ-HĐT-YDHP ngày 07/04/2021 về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Nghị quyết số 09/NQ-HĐT-YDHP ngày 07/04/2021 về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

d. Quy chế tổ chức hoạt động của trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

- Nghị quyết số 02/NQ-HĐT-YDHP ngày 02/02/2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Nghị quyết số 01/NQ-HĐT-YDHP ngày 02/02/2021 ban hành Quy chế Hoạt động của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quy chế tổ chức của các đơn vị trực thuộc Trường: Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết số 07/NQ-HĐT-YDHP ngày 07/04/2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng; Nghị quyết số 10/NQ-HĐT-YDHP ngày 07/04/2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Hợp tác và Phát triển đào tạo; Nghị quyết số 10/NQ-HĐT-YDHP ngày 07/04/2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

- Hiện nay Nhà trường có 11 phòng, 09 khoa, 08 Trung tâm, 01 Tạp chí và 01 Bệnh viện trực thuộc.

- Nhà trường đã thành lập Khoa Y, Khoa Khoa học cơ bản. Theo Nghị quyết số 39/ NQ-HĐT-YDHP ngày 25/01/2022 Thành lập Khoa Y, Nghị quyết số 48/ NQ-HĐT-YDHP ngày 20/04/2022 Thành lập Khoa Khoa học cơ bản, Nghị quyết số 65/ NQ-HĐT-YDHP ngày 15/11/2022 Thành lập Tạp chí Khoa học sức khỏe.

- Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị cấu thành: Quyết định số 1226/QĐ-YDHP ngày 28/07/2022 về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, hoạt động các đơn vị của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Đến nay, Nhà trường đã cơ bản hoàn thiện dự thảo Quy định mới về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Dự thảo này đã được Đảng ủy Nhà trường thống nhất thông qua. Tuy nhiên, do hiện tại chưa kiện toàn chức danh Chủ tịch Hội đồng Trường nên Quy định vẫn chưa thể chính thức ban hành.

e. Sơ đồ cơ cấu tổ chức.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

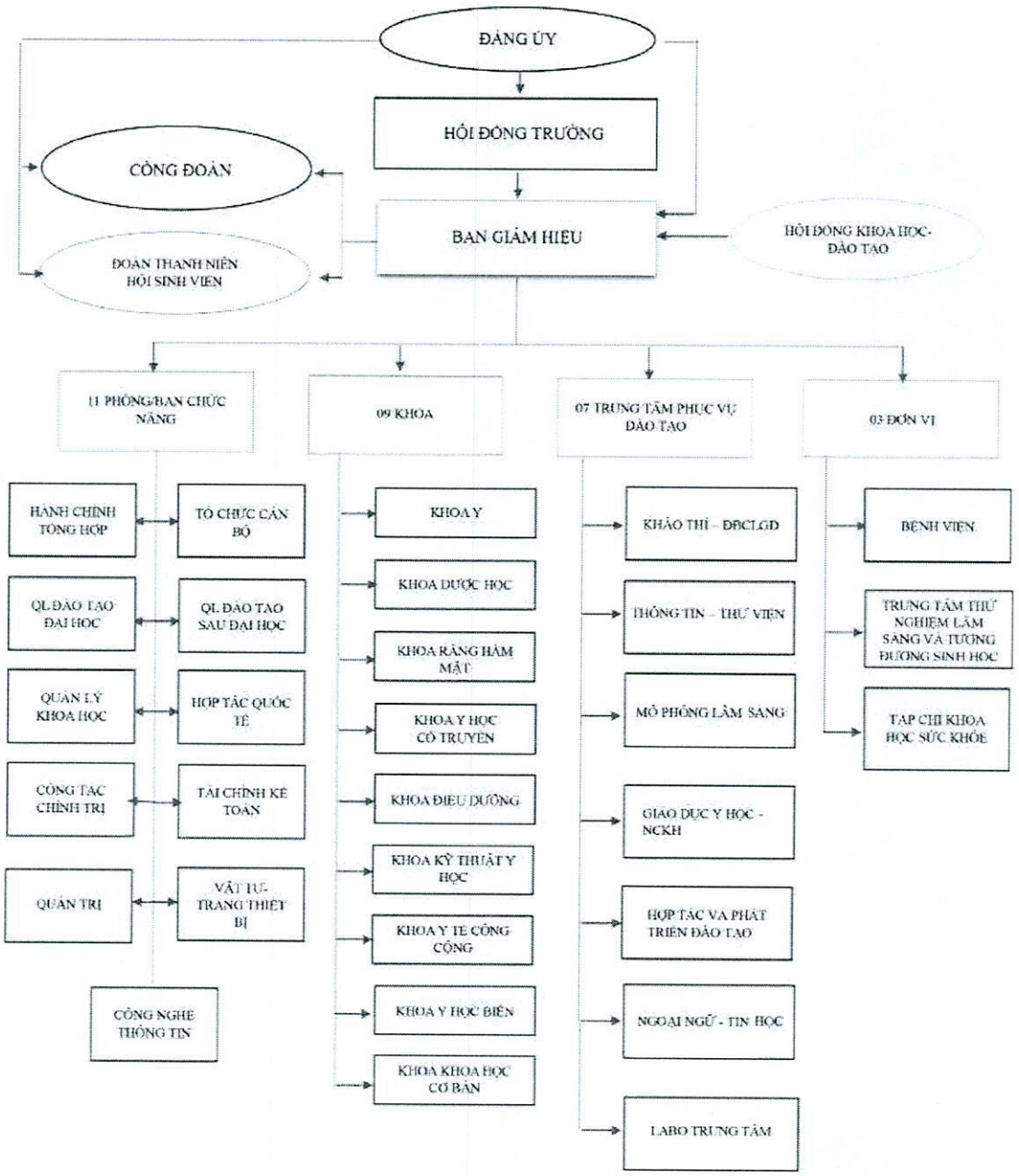

f. Quyết định thành lập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc/trực thuộc Trường

Nghị quyết số 120/NQ-HĐT-YDHP ngày 29/07/2024 của Trường Đại học Y Dược HP về việc sáp nhập Ban thanh tra -pháp chế vào phòng công tác chính trị

Nghị quyết số 127/NQ-HĐT-YDHP ngày 29/07/2024 của Trường Đại học Y Dược HP về việc sáp nhập Khoa Dị ứng – Miễn dịch vào Khoa Da liễu -truyền nhiễm của Bệnh viện Đại học Y HP

Nghị quyết số 128/NQ-HĐT-YDHP ngày 29/07/2024 của Trường Đại học Y Dược HP về việc sáp nhập Khoa Dinh dưỡng vào Phòng Điều dưỡng của Bệnh viện Đại học Y HP

g. Danh sách các cán bộ lãnh đạo trường, lãnh đạo đơn vị:

TT	Họ tên	Chức vụ	Địa chỉ email
1	PGS.TS Phạm Văn Linh	Chủ tịch Hội đồng trường	pvlinh@hpmu.edu.vn
2	PGS.TS Nguyễn Văn Khải	Hiệu trưởng	nvkhai@hpmu.edu.vn
3	PGS.TS Đinh Thị Thanh Mai	Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo	dtthanhmai@hpmu.edu.vn
4	PGS.TS Phạm Văn Mạnh	Phó Hiệu trưởng, Giám đốc Trung tâm Hợp tác và phát triển đào tạo	pvmanh@hpmu.edu.vn
5	PGS.TS Nguyễn Thị Thắm	Trưởng phòng Quản lý đào tạo đại học	nttham@hpmu.edu.vn
6	TS. Phạm Thanh Hải	Trưởng phòng Quản lý đào tạo sau đại học	pthai@hpmu.edu.vn
7	TS. Hoàng Thị Giang	Trưởng Khoa Y tế công cộng	htgiang@hpmu.edu.vn
8	KS. Lưu Mạnh Hùng	Trưởng phòng Quản trị	lmhung@hpmu.edu.vn
9	TS. Nguyễn Hải Ninh	Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ	nhninh@hpmu.edu.vn
10	TS. Nguyễn Hùng Cường	Trưởng khoa Kỹ thuật y học	nhcuong@hpmu.edu.vn
11	ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trưởng Phòng Vật tư - Trang thiết bị	nnquynh@hpmu.edu.vn
12	ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp	ntatuyet@hpmu.edu.vn
13	ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	Giám đốc Trung tâm Thông tin - Thư viện	nthnhung@hpmu.edu.vn
14	ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình	Giám đốc Trung tâm Giáo dục, Y học-	nttbinh@hpmu.edu.vn

TT	Họ tên	Chức vụ	Địa chỉ email
		Nghiên cứu khoa học	
15	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng khoa Y học cổ truyền	ntthien@hpmu.edu.vn
16	PGS.TS Nguyễn Thị Thu Phương	Trưởng khoa Dược học	ntthuphuong@hpmu.edu.vn
17	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng phòng Tài chính kế toán	nttduong@hpmu.edu.vn
18	BSCKII. Phạm Thị Vân	Trưởng Khoa Khoa học cơ bản	ptvan@hpmu.edu.vn
19	ThS. Trần Quốc Trình	Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	tqtrinh@hpmu.edu.vn
20	TS. Trần Thị An Huy	Trưởng khoa Răng Hàm Mặt	tahuy@hpmu.edu.vn
21	ThS. Vũ Quang Tuyên	Trưởng phòng Công tác chính trị	vqtuyen@hpmu.edu.vn
22	TS. Phạm Thành Nguyên	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và QLCLGD	ptnguyen@hpmu.edu.vn
23	TS. Phạm Thị Vân Anh	Giám đốc Trung tâm Mô phỏng lâm sàng	ptvananh@hpmu.edu.vn

h. Hệ thống văn bản quản lý (chiến lược, quy định, quy chế, Nghị quyết Hội đồng trường,...)

Nghị quyết số 112/NQ-HĐT-YDHP ngày 26/04/2024 về việc Thông qua đề án sử dụng tài sản công của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Nghị quyết số 122/NQ-HĐT-YDHP ngày 29/07/2024 về việc Thông qua phương án chi trả chế độ hỗ trợ thu nhập đối với viên chức, người lao động

Nghị quyết số 141/NQ-HĐT-YDHP ngày 28/10/2024 về việc ban hành Quy chế tuyển dụng, hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Nghị quyết số 142/NQ-HĐT-YDHP ngày 28/10/2024 về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại viên chức người lao động của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	24,46	18,78
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	97,76%	97,66%
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	21,03%	20,14%

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	447	98	217	94	19	3
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	440	98	217	87	13	1

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm 2024	Năm 2023
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	19	19
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	185	183
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	41,3%	41%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Diện tích đất/người học (m2)	8,72	7,61
2	Diện tích sàn/người học (m2)	4	5,91
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	100%	100%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	42,16	41,2
5	Số bản sách/người học	6,2	5,6
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	14,14%	13,2%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	128,6	128,6

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m^2)	Diện tích sàn (m^2)
1	Trụ sở chính: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	72A- Nguyễn Bỉnh Khiêm- Gia Viên- Hải Phòng	45185,6	13105
2	Cơ sở: Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	225C- Lạch Tray- Gia Viên- Hải Phòng	6930,5	27438
Tổng cộng			52116,1	40543

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm 2024

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
1	Xây mới tòa nhà			Không có
2	Nâng cấp tòa nhà			
2.1	Sửa chữa, khắc phục tác động hậu quả sau bão số 3/2024	72A- Nguyễn Bỉnh Khiêm- Gia Viên- Hải Phòng	7500	
2.2	Sữa chữa Nhà giảng dạy, làm việc và các hạng mục phụ trợ Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	72A- Nguyễn Bỉnh Khiêm- Gia Viên- Hải Phòng	15000	
2.3	Sửa chữa hệ thống thoát nước, sân đường nội bộ Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	72A- Nguyễn Bỉnh Khiêm- Gia Viên- Hải Phòng	15000	
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm			Không có
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm			Không có
Tổng cộng			37500	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục (Chu kỳ 2)

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Hiệp hội các trường Đại học cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C)

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Theo tiêu chuẩn chất lượng thông tư 12/2017/TT-BGDĐT, 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo

- Mức độ đạt kiểm định: Đạt

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 13 tháng 12 năm 2023 đến ngày 13 tháng 12 năm 2028.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7720101	Y Khoa	CTĐT ngành Y Khoa trình độ đại học	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	10/2022-10/2027
2	7720201	Dược học	CTĐT ngành Dược học trình độ đại học		10/2022-10/2027
3	8720701	Y tế công cộng	CTĐT ngành Y tế công cộng trình độ thạc sĩ		10/2022-10/2027
4	7720301	Điều dưỡng	CTĐT ngành điều dưỡng trình độ đại học	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục	03/2024-3/2029

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
5	7720501	Răng hàm mặt	CTĐT ngành Răng hàm mặt trình độ đại học	– Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	03/2024-3/2029
6	7720115	Y học cổ truyền	CTĐT ngành Y học cổ truyền trình độ đại học		03/2024-3/2029
7	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	CTĐT ngành kỹ thuật y học trình độ đại học		03/2024-3/2029
8	8720107	Nội khoa	CTĐT ngành Nội khoa trình độ thạc sĩ		03/2024-3/2029
9	8720104	Ngoại khoa	CTĐT ngành Ngoại khoa trình độ thạc sĩ		03/2024-3/2029
10	8720106	Nhi khoa	CTĐT ngành Nhi khoa trình độ thạc sĩ		03/2024-3/2029

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm (nhập học/chỉ tiêu)	99,3%	72,80%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	2,9%	5,63%
3	Tỉ lệ thôi học	0,33%	1,2%
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	4,45%	2,61%
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	70,7%	95,77%
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	67,4%	83,85%
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	92%	90,2%
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	95,5%	90,12%
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	92,1%	92,12%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp năm 2024

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	**Đại học**				
1	**Lĩnh vực 6**	**6849**	**1658**	**1253**	
a	**Chính quy**	**6312**	**1507**	**1110**	**92,12%**
1	Y khoa	3209	591	591	94,43%
2	Y học dự phòng	236	68	33	70,0%

3	Y học cổ truyền	459	154	63	83,33%
4	Dược học	833	223	111	95,96%
5	Điều dưỡng	714	247	164	96,43%
6	Răng - Hàm - Mặt	521	113	68	97,67%
7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	340	111	80	83,08%
b	**Liên thông chính quy, Liên thông vừa làm vừa học**	**537**	**151**	**143**	
1	Y khoa (TC-ĐH)	408	97	117	95,8%
2	Dược học (CĐ-ĐH)	41	9	25	100%
3	Điều dưỡng (CĐ-ĐH)	88	45	0	89,2%
4	Kỹ thuật xét nghiệm y học (CĐ-ĐH)	0	0	1	100%
II	**Thạc sĩ (và trình độ tương đương)**	**Đang học**	**Tuyển mới**	**Tốt nghiệp**	
1	Tiến sĩ	41	21	3	100%
2	Thạc sĩ	83	59	17	100%
3	Chuyên khoa II	245	141	33	100%
4	Chuyên khoa I	1073	664	223	100%
5	Bác sĩ nội trú	104	66	25	100%

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	2,1%	3%
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0,64	0,4
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0,1	0,05

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm 2024

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	4	9.707.241.000
3	Đề tài cấp cơ sở	0	0
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	01	336.411.900

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
	Tổng số	**5**	10.043.652.900

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm 2024	Năm 2023
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	197	109
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	45	23
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	01	02
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	16,4%	18,3%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	14,5%	0,8%

2. Kết quả thu chi hoạt động

Đơn vị tính: tỉ đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024	Năm 2023
A	**TỔNG THU HOẠT ĐỘNG**	**319.985**	198,659
I	**Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư**	**12.876**	25,865
II	**Thu giáo dục và đào tạo**	**297.978**	165,211
1	Học phí, lệ phí từ người học	288.923	145,954
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	9.055	19,257
III	**Thu khoa học và công nghệ**	**7.094**	5,897
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	1.284	995

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024	Năm 2023
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	5.810	4,901
3	Thu khác		
IV	**Thu khác (thu nhập ròng)**	**2.037**	1,686
B	**TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG**	**227.601**	192,135
I	**Chi lương, thu nhập**	**137.134**	109.132
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	112.201	89.290
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	24.933	19.842
II	**Chi cơ sở vật chất và dịch vụ**	**51.870**	62.206
1	Chi cho đào tạo	30.503	42.863
2	Chi cho nghiên cứu	8.291	6.902
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	13.076	12.441
III	**Chi hỗ trợ người học**	**24.717**	17.789
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	24.717	17.789
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	**Chi khác**	**13.880**	3.007
C	**CHÊNH LỆCH THU CHI**	**92.384**	6.524

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, TT Khảo thí & QLCLGD.

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai